



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

51
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	10424001	TRỊNH HỒ QUỐC ANH	LT10QL	58	2.77	209203	Thị trường bất động sản	2		112	2
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
2	10424002	LÊ BẢY	LT10QL	52	2.62	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
3	10424003	TRẦN NGỌC CẦU	LT10QL	52	2.90	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
4	10424004	LÊ THỊ LAN CHI	LT10QL	28	1.43	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	2
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	2
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
5	10424005	NGUYỄN THỊ KIM CHI	LT10QL	60	2.81	209302	Đánh giá đất đai	2		103	3
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
6	10424006	PHAN THỊ CHUNG	LT10QL	0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	✓
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	✓
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	✓
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		103	✓
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	✓
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	✓
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	✓
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	✓
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	✓
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
7	10424007	ĐỖ CÔNG DANH	LT10QL	50	2.30	209203	Thị trường bất động sản	2		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
8	10424008	LÝ BÍCH DIỆP	LT10QL	62	3.10	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
9	10424010	LƯU ĐÌNH DŨNG	LT10QL	52	2.38	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
10	10424012	LÊ HOÀNG DUY	LT10QL	52	2.24	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
11	10424013	TRẦN TRANG TUẤN DUY	LT10QL	52	2.81	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
12	10424011	NGUYỄN MẬU DƯƠNG	LT10QL	52	2.56	NN TH	Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học				
13	10424014	VÕ TẤN ĐẠT	LT10QL	62	2.54	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
14	10424015	ĐỖ THỊ HÀ	LT10QL	62	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
15	10424016	HOÀNG VIỆT HÀ	LT10QL	62	2.71	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
16	10424018	HUỖNH THỊ THÚY HẰNG	LT10QL	60	2.44	209203 TH	Thị trường bất động sản Chuẩn đầu ra Tin học	2		121	V
17	10424019	NGUYỄN THỊ HIỀN	LT10QL	52	2.71	NN TH	Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học				
18	10424020	NGUYỄN THỊ HIỀN	LT10QL	62	2.90	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
19	10424021	LÊ HỒNG HIỀN	LT10QL	54	2.80	NN TH	Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học				
20	10424022	VÕ AN HÒA	LT10QL	47	1.96	209107 209302 NN TH	Viễn thám cơ sở Đánh giá đất đai Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	3 2		112 103	3 3
21	10424023	NGUYỄN MINH HỌC	LT10QL	18	1.03	209106 209107 209121 209203 209304 209311 209801 209903 NN	Trắc địa ảnh hàng không Viễn thám cơ sở Lưu trữ hồ sơ địa chính Thị trường bất động sản Quy hoạch tổng thể KT-XH Lập luận chứng KT-KT Phương pháp nghiên cứu KH Rèn nghề 3- Quy hoạch Chuẩn đầu ra B1	3 3 2 2 2 2 2 1		111 112 112 112 111 112 111 112	V V 0.0 V 3 V V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
22	10424024	LÊ THỊ HỒNG	LT10QL	52	2.71	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
23	10424025	PHẠM THỊ KIM	LT10QL	62	2.12	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
24	10424026	LÂM PHƯỚC	LT10QL	52	2.50	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
25	10424027	NGUYỄN THỊ MỸ	LT10QL	62	2.85	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
26	10424028	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	LT10QL	0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	✓
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	✓
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	✓
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	✓
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	✓
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	✓
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	✓
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	✓
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	✓
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	✓
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	✓
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	✓
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	✓
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	✓
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
27	10424029	NGUYỄN TIẾN KHÁNH	LT10QL	59	2.46	209107 TH	Viễn thám cơ sở Chuẩn đầu ra Tin học	3		112	3
28	10424030	NGUYỄN TUẤN KIỆT	LT10QL	60	2.17	209302 TH	Đánh giá đất đai Chuẩn đầu ra Tin học	2		103	3
29	10424031	LÊ KHÁNH LAM	LT10QL	52	2.62	NN TH	Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học				
30	10424032	NGUYỄN THÁI LÂM	LT10QL	54	2.31	NN	Chuẩn đầu ra B1				
31	10424033	NGUYỄN XUÂN LÂM	LT10QL	62	2.60	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
32	10424034	TRẦN VĂN LÂM	LT10QL	50	2.21	209302 NN TH	Đánh giá đất đai Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	2		103	3
33	10424035	CAO NGUYỄN THỊ THỦ LINH	LT10QL	39	2.41	NN TH	Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn Nhóm bắt buộc tự chọn		2 3		
34	10424036	NGUYỄN THỊ LĨNH	LT10QL	62	2.81	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
35	10424037	PHẠM THANH LONG	LT10QL	49	2.52	209107 209203 NN TH	Viễn thám cơ sở Thị trường bất động sản Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	3 2		112 112	3 3
36	10424038	PHAN THÀNH LUÂN	LT10QL	0	0.00	209106 209107	Trắc địa ảnh hàng không Viễn thám cơ sở	3 3		111 112	V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		103	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
37	10424039	LÊ THỊ LUẬN	LT10QL	62	2.77	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
38	10424041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LY	LT10QL	52	2.73	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
39	10424042	LÊ THỊ CHÚC MAI	LT10QL	49	2.31	209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
40	10424043	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	LT10QL	51	2.30	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
41	10424044	NGÔ VĨNH	MINH	LT10QL	62	2.58	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
42	10424045	PHAN THỊ THÚY	NGA	LT10QL	63	2.87	209302	Đánh giá đất đai	2	103	3
43	10424046	ĐỖ THỊ LÊ	NGÂN	LT10QL	47	2.33	209107	Viễn thám cơ sở	3	112	2
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2	112	V
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
44	10424047	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	LT10QL	50	2.52	209203	Thị trường bất động sản	2	112	3
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
45	10424048	VÕ THỊ TUYẾT	NGÂN	LT10QL	52	2.87	NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
46	10424049	LÊ HỒNG	NGUYỄN	LT10QL	55	2.19	209107	Viễn thám cơ sở	3	112	3
							209203	Thị trường bất động sản	2	112	1
							209302	Đánh giá đất đai	2	103	3
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
47	10424050	BÙI THỊ MỸ	NHUNG	LT10QL	62	2.73	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
48	10424051	HỒ THỊ MỸ	NHUNG	LT10QL	52	2.60	NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
49	10424052	VÕ THỊ CẨM	NHUNG	LT10QL	52	2.76	TH	Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn		3	
50	10424053	PHẠM THỊ KIM	OANH	LT10QL	49	2.35	209107	Viễn thám cơ sở	3	112	3
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
51	10424054	TRẦN THỊ KIM	PHÚC	LT10QL	56	2.07	209107	Viễn thám cơ sở	3	112	3
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3	111	2.1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
52	10424055	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	LT10QL	52	2.54	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
53	10424056	NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG	LT10QL	52	2.40	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
54	10424057	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	LT10QL	52	2.69	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
55	10424058	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	LT10QL	59	2.52	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
56	10424059	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	LT10QL	59	2.15	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	1
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
57	10424060	NGUYỄN NGỌC QUÂN	LT10QL	49	2.15	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
58	10424061	CHUNG BẢO QUỐC	LT10QL	37	2.24	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	1.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	3.0
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
59	10424062	NGUYỄN THỊ QUYÊN	LT10QL	62	3.02	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
60	10424063	HOÀNG THỊ QUỲNH	LT10QL	52	2.71	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
61	10424064	TRẦN VĂN TÂM	LT10QL	40	1.77	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	0
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
62	10424065	NGUYỄN HOÀNG TÂN	LT10QL	49	2.31	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
63	10424066	PHẠM LỘC TẤN	LT10QL	49	2.38	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
64	10424067	LÊ THỊ NGỌC THẢO	LT10QL	62	2.77	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
65	10424068	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	LT10QL	62	2.87	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
66	10424069	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	LT10QL	50	2.83	209203	Thị trường bất động sản	2		121	2
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
67	10424070	VÕ THỊ THỌ	LT10QL	55	2.71	NN	Chuẩn đầu ra B1				
68	10424072	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	LT10QL	52	2.60	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
69	10424071	HỒNG THANH THÚY	LT10QL	10	0.57	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	0
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	V
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V	
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V	
						NN	Chuẩn đầu ra B1	2 3				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
Nhóm bắt buộc tự chọn												
							Nhóm bắt buộc tự chọn					
70	10424073	HUỖNH THỊ LIỄN	THƯ	LT10QL	50	2.58	209203	Thị trường bất động sản	2		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
71	10424080	NGUYỄN THANH	THỨC	LT10QL	50	2.37	209203	Thị trường bất động sản	2		112	3.3
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
72	10424074	ĐỖ THỊ	THƯƠNG	LT10QL	61	2.31	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
73	10424075	PHẠM VĂN	TIỆP	LT10QL	52	2.48	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
74	10424076	BÙI THỊ	TRANG	LT10QL	49	2.60	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
75	10424077	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	LT10QL	42	2.19	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3			
76	10424078	VÕ THỊ MINH	TRANG	LT10QL	62	2.33	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
77	10424079	NGUYỄN CAO THỊ TRÍ	LT10QL	37	2.33	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	2
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
78	10424081	DƯƠNG THỊ NGỌC TÚ	LT10QL	59	2.06	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
79	10424082	HUỖNH NGỌC TÚ	LT10QL	57	1.81	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	2
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
80	10424083	NGUYỄN THANH TUẤN	LT10QL	47	2.12	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	2
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	2
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
81	10424084	PHẠM LÊ BÍCH TUYỀN	LT10QL	62	2.57	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
82	10424085	HUỖNH THANH TUYỀN	LT10QL	52	2.63	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
83	10424087	NGUYỄN THANH TỶ	LT10QL	62	3.08	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
84	10424088	UÔNG THỊ A UÂY	LT10QL	0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	V
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
85	10424089	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	LT10QL	62	2.69	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
86	10424090	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	LT10QL	50	2.39	209203	Thị trường bất động sản	2		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
87	10424091	BÙI THỊ NGỌC XUÂN	LT10QL	62	2.85	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
88	10424092	NGUYỄN XUÂN	LT10QL	52	2.69	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
89	10424093	TRẦN THỊ HỒNG XUYẾN	LT10QL	49	2.63	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
90	10424094	ĐINH THỊ YẾN	LT10QL	52	2.85	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
91	10424095	TRẦN THỊ KIM YẾN	LT10QL	0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 13

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	✓
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	✓
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	✓
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	✓
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	✓
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	✓
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	✓
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	✓
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	✓
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	✓
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	✓
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	✓
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	✓
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 4 TC (Min)

202609	Logic học	2
202621	Xã hội học đại cương	2
202625	Địa lý tự nhiên	2
208102	Địa lý kinh tế	2
208211	Kinh tế lượng căn bản	3
208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3

212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 2: 6 TC (Min)	
204306 Nông học đại cương	2
209103 Trắc địa công trình	3
209108 Viễn thám ứng dụng	2
209112 Bản đồ địa hình	2
209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
209303 Phân hạng đất	2
209310 Quản lý nguồn nước	2
209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 3: 10 TC (Min)	
209123 Trắc địa - Bản đồ	2
209315 Quy hoạch	3
209911 Khóa luận tốt nghiệp	10
209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

In Ngày 07/06/13

TP.HCM, Ngày 07 tháng 06 năm 2013
Người lập biểu